

Bản án số: **110** /2017/HSPT
Ngày: 06-09-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Thẩm phán:

1. Ông Tôn Anh Dũng.
2. Ông Trần Hưng Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hồng, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Ái Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2017/HSPT ngày 19/7/2017 đối với bị cáo Lê Thị Diệu H và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Võ Thị Thanh H1; giới tính: Nữ; sinh ngày 06/02/1984 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: Tổ 04 (Tổ 06 cũ), phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Kế toán Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Võ L, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1962; có chồng là ông Lê D và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Bị cáo Võ Lê Hoài N; giới tính: Nam; sinh ngày 31/12/1971 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: Tổ 05 (Tổ 08 cũ), phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Chủ nhiệm Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Võ Văn T, sinh năm 1946 và bà Lê Thị O, sinh năm 1948; có vợ là bà Lê Thị Như A và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án này, còn có bị cáo Lê Thị Diệu H có kháng cáo, nhưng đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa. Tòa án nhân dân tỉnh Thừa

Thiên Huế đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 104/2017/HSPT-QĐ ngày 05/9/2017 đối với bị cáo Lê Thị Diệu H.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, nội dung vụ án như sau:

Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã, có cơ cấu tổ chức bộ máy gồm: Ban Quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng. Khi thành lập, Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC có tiếp nhận 2 lưới điện hạ thế do Hợp tác xã nông nghiệp I và Hợp tác xã nông nghiệp II TC bàn giao theo chủ trương của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã TC để hoạt động kinh doanh mua bán điện trên địa bàn xã TC. Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC được Phòng Tài chính - Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện HT cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã số 31F0000003/HTX vào ngày 11/6/2007, vốn điều lệ 450.000.000đ. Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC được thành lập vào tháng 6/2007, mục đích là để tham gia, thực hiện dự án năng lượng nông thôn II (gọi tắt là REII) của tỉnh Thừa Thiên Huế, nhằm xây dựng, cải tạo lưới điện hạ áp và lắp đặt công tơ tại xã TC, huyện HT.

Quá trình hoạt động Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC có nhân viên đi thu tiền điện riêng. Đến tháng 3/2011, do việc thu tiền điện của các nhân viên không đảm bảo nên Ủy ban nhân dân phường TC giao cho các Tổ trưởng Tổ dân phố (gồm 17 tổ) của phường đi thu tiền điện cho Hợp tác xã. Hàng tháng Hợp tác xã phát phiếu thu tiền điện cho các Tổ trưởng, sau khi các Tổ trưởng trực tiếp đi thu tiền của các hộ sử dụng điện về nộp lại cho Hợp tác xã. Việc nộp tiền điện cho Hợp tác xã do không có quy định rõ ràng là phải nộp cho ai nên các Tổ trưởng có thể nộp tiền cho Võ Lê Hoài N (Chủ nhiệm Hợp tác xã), Võ Thị Thanh H1 (Kế toán), Lê Thị Diệu H (Thủ quỹ). Những người nhận tiền nói trên có trách nhiệm ghi phiếu thu và đến cuối ngày nộp lại tiền cho Lê Thị Diệu H (Thủ quỹ) để vào sổ sách và nhập quỹ Hợp tác xã.

Do trong quá trình hoạt động, Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC (Được viết tắt là HTX) không có tiền chi trả tiền điện cho Điện lực HT dẫn đến bị cắt điện gây ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường TC có Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 06/5/2011 gửi Ủy ban nhân dân thị xã HT xin bàn giao lại lưới điện hạ áp nông thôn cho Điện lực quản lý. Ngày 16/5/2011 Ủy ban nhân dân thị xã HT có Công văn số 262/UBND-KT gửi Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế về việc xin bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn cho Công ty điện lực Thừa Thiên Huế quản lý. Ngày 01/9/2011, Ban quản lý dự án năng lượng nông thôn II tỉnh Thừa Thiên Huế bàn giao công trình lưới điện hạ áp thuộc dự án năng lượng nông thôn II tỉnh Thừa Thiên Huế tại phường TC, thị xã HT cho Điện lực HT quản lý. Đến ngày 18/01/2012, Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC bàn giao hệ thống lưới điện (ngoài dự án ReII) cho Điện lực HT quản lý.

Sau khi Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC bàn giao toàn bộ hệ thống lưới điện sang Điện lực HT quản lý thì phát hiện một số cán bộ của Hợp tác xã chiếm đoạt tiền của Hợp tác xã, nên Ủy ban nhân dân phường TC có Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân

dân thị xã HT thanh tra việc quản lý tài chính đối với Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC. Qua thanh tra đã phát hiện nhiều sai phạm trong công tác quản lý tài chính của Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC nên ngày 07/5/2014, Ủy ban nhân dân thị xã HT đã có Công văn số 684/UBND-TTr chuyển hồ sơ thanh tra đến Công an thị xã Hương Thủy để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, xác định: Võ Lê Hoài N - Chủ nhiệm Hợp tác xã; Võ Thị Thanh H1 - Kế toán Hợp tác xã và Lê Thị Diệu H - Thủ quỹ Hợp tác xã đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình chiếm đoạt tiền quỹ, tiền điện của Hợp tác xã, cụ thể như sau:

Đối với Võ Lê Hoài N: Được Đại hội xã viên bầu giữ chức vụ Chủ nhiệm Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC từ khi thành lập Hợp tác xã. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 11/2011, N đã chiếm đoạt tiền điện của Hợp tác xã, cụ thể như sau:

Thu tiền điện tháng 7/2011: thu Tổ 10 (tổ của ông Dương T) số tiền 12.394.192đ, đã nhập quỹ số tiền 3.200.000đ, không nhập quỹ số tiền 9.194.129đ (Chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn một trăm hai mươi chín đồng) để chiếm đoạt tiêu xài.

Đối với Võ Thị Thanh H1, được tuyển dụng vào làm Kế toán Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC từ ngày 01/8/2010. Trong thời gian từ tháng 3/2011 đến tháng 11/2011, H1 đã chiếm đoạt tiền điện của Hợp tác xã, cụ thể như sau:

- Lần 1: Thu tiền điện tháng 5/2011 từ các tổ trưởng nộp nhưng không nhập quỹ, gồm:

- + Thu tiền điện Tổ 2 (tổ của ông Dương C), số tiền 2.595.581đ.
- + Thu tiền điện Tổ 5 (tổ của ông Lê Viết Q), số tiền 2.481.991đ.
- + Thu tiền điện Tổ 8 (tổ của ông Phan T), số tiền 2.036.422đ.
- + Thu tiền điện Tổ 17 (tổ của ông Nguyễn T), số tiền 400.000đ.
- + Thu tiền điện của HTX Nông nghiệp I TC, số tiền 5.938.000đ.

Tổng số tiền điện H1 đã thu tháng 5/2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 13.451.994đ (Mười ba triệu bốn trăm năm mươi một nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng).

- Lần 2: Thu tiền điện tháng 6/2011 từ các tổ trưởng nộp nhưng không nhập quỹ, gồm:

- + Thu tiền điện Tổ 3 (tổ của ông Nguyễn Hữu Đ), số tiền 1.833.000đ.
- + Thu tiền điện Tổ 4 (tổ của ông Lê G), số tiền 10.098.105đ.
- + Thu tiền điện Tổ 5 (tổ của ông Lê Viết Q), số tiền 3.500.000đ.
- + Thu tiền điện Tổ 6 (tổ của ông Trần Văn L), số tiền 3.368.797đ.
- + Thu tiền điện Tổ 7 (tổ của ông Nguyễn Đình D), số tiền 1.600.000đ.
- + Thu tiền điện Tổ 9 (tổ của ông Phạm Đ), số tiền 4.500.000đ.

- + Thu tiền điện Tổ 11 (tổ của ông Võ B), số tiền 1.000.000đ.
- + Thu tiền điện Tổ 12 (tổ của ông Nguyễn Q), số tiền 1.042.154đ.
- + Thu tiền điện Tổ 13 (tổ của ông Võ H), số tiền 3.200.000đ.
- + Thu tiền điện Tổ 14 (tổ của ông Võ N), số tiền 3.509.647đ.
- + Thu tiền điện Tổ 17 (tổ của ông Nguyễn T), số tiền 2.362.206đ.
- + Thu tiền điện của HTX Nông nghiệp I TC, số tiền 3.762.000đ.

Tổng số tiền điện H1 đã thu tháng 6/2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 39.775.909đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm lẻ chín đồng).

- Lần 3: Thu tiền điện tháng 7/2011 từ các tổ trưởng nộp nhưng không nhập quỹ là:

- + Thu tiền điện Tổ 8 (tổ của ông Phan T), số tiền 1.065.433đ.
- + Thu tiền điện Tổ 11 (tổ của ông Võ B), số tiền 2.500.000đ.

Tổng số tiền điện H1 đã thu tháng 7/2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 3.565.433đ (Ba triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

- Lần 4: Thu tiền điện tháng 8/2011 từ các tổ trưởng nộp nhưng không nhập quỹ là:

- + Thu tiền điện Tổ 1 (tổ của ông Võ Trọng C), số tiền 3.359.909đ.
- + Thu tiền điện Tổ 14 (tổ của ông Võ N), số tiền 5.000.000đ.

Tổng số tiền điện H1 đã thu tháng 8/2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 8.359.909đ (Tám triệu ba trăm năm mươi chín nghìn chín trăm lẻ chín đồng).

Như vậy, Võ Thị Thanh H1 chiếm đoạt tiền điện của Hợp tác xã 4 lần (các tháng 5, 6, 7, 8 năm 2011), với tổng số tiền là 65.153.245đ (Sáu mươi lăm triệu một trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 30/5/2017, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy quyết định:

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 278; các Điểm b, p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thanh H1 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 278; các Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Võ Lê Hoài N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Lê thị Diệu H, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/6/2017, bị cáo Võ Lê Hoài N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 12/6/2017, bị cáo Võ Thị Thanh H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Thanh H1 và Võ Lê Hoài N, giữ N bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

XÉT THẤY:

Đã có cơ sở để kết luận: Công trình lưới điện hạ áp thuộc dự án năng lượng nông thôn II, tỉnh Thừa Thiên Huế do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế làm chủ đầu tư và giao cho Ban quản lý dự án Năng lượng nông thôn II tỉnh Thừa Thiên Huế thay mặt chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án xây mới, cải tạo lưới điện hạ áp và lắp đặt công tơ tại xã TC, huyện HT (Nay là phường TC, thị xã HT) được thực hiện từ tháng 02 năm 2009 đến ngày 05/01/2011 thì hoàn thành. Ban quản lý dự án năng lượng nông thôn II tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành bàn giao cho Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC quản lý vận hành với giá trị tạm tính là 3.424.605.000đ (giá trị bàn giao chính thức là 3.658.723.000đ). Đây là nguồn vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vay của Ngân hàng thế giới (WB) và vốn đối ứng của tỉnh. Sau khi nhận bàn giao, Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC có trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo dưỡng thu tiền điện của khách hàng và căn cứ vào số liệu giá trị bàn giao để xây dựng phương án hoàn trả vốn đầu tư của dự án đảm bảo tiến độ hoàn trả vốn cho Ngân hàng thế giới.

Lợi dụng việc quản lý tài chính lỏng lẻo, thiếu chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế, trong khoảng thời gian từ tháng 03 đến tháng 11 năm 2011, tại Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC, thuộc phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế bị cáo Võ Thị Thanh H1 giữ chức vụ Kế toán, Lê Thị Diệu H giữ chức vụ Thủ quỹ và Võ Lê Hoài N giữ chức vụ Chủ nhiệm Hợp tác xã đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Trong đó:

Đối với bị cáo Võ Thị Thanh H1 đã lợi dụng chức vụ của mình chiếm đoạt tiền điện của Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC 04 lần (Các tháng 5, 6, 7, 8 năm 2011), với tổng số tiền là 65.153.245đ để tiêu xài cá nhân, cụ thể:

- Lần 1: Tổng số tiền điện bị cáo H1 đã thu tháng 5 năm 2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 13.451.994đ (Mười ba triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng).

- Lần 2: Tổng số tiền điện H1 đã thu tháng 6 năm 2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 39.775.909đ (Ba mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm linh chín đồng).

- Lần 3: Tổng số tiền điện H1 đã thu tháng 7 năm 2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 3.565.433đ (Ba triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

- Lần 4: Tổng số tiền điện H1 đã thu tháng 8 năm 2011 nhưng không nhập quỹ, chiếm đoạt là 8.359.909đ (Tám triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm lẻ chín đồng).

Do đó, bị cáo H1 đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” quy định tại các Điều c, d Khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, tội “Tham ô tài sản” quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2017 có lợi hơn cho người phạm tội về mức định lượng giá trị tài sản chiếm đoạt so với tội “Tham ô tài sản” quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Công văn số 256/TANDTC-PC ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) thì bị cáo H1 chỉ phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Võ Lê Hoài N: Đã lợi dụng chức vụ của mình chiếm đoạt tiền điện của Hợp tác xã tiêu thụ điện năng TC 01 lần vào tháng 7 năm 2011 với số tiền 9.194.129đ (Chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn một trăm hai mươi chín đồng) để tiêu xài cá nhân. Do đó, bị cáo N đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 278 Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Thị Thanh H1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng mình là kế toán Hợp tác xã và dùng thủ đoạn nhận tiền từ các tổ trưởng dân phố nhưng không nhập quỹ để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Hợp tác xã. Vì vậy, cần xử lý thích đáng, nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H1 là quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình thanh tra và điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền do mình chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; đại diện N đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và có nhân thân tốt, phạm tội có tính chất

cơ hội, không phạm vào tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Điều luật quy định.

Mức án 02 năm 04 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Võ Thị Thanh H1 là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đã cân nhắc, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ N bản án sơ thẩm.

Về kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Võ Thị Thanh H1 và Võ Lê Hoài N;

Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng mình là người có chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Hợp tác xã. Vì vậy, cần xử lý thích đáng, nghiêm minh và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa trong tình hình hiện nay. Do vậy, không có căn cứ để chấp kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, cần giữ N bản án sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo phải chịu theo luật định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Thanh H1 và Võ Lê Hoài N, giữ N bản án sơ thẩm.

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 278; các Điểm b, p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thanh H1 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 278; các Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Võ Lê Hoài N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Võ Thị Thanh H1 và Võ Lê Hoài N mỗi người phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND TX Hương Thủy;
- VKSND TX Hương Thủy;
- Công an TX Hương Thủy;
- Chi cục THADS TX Hương Thủy;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THS, Lưu VP.

NGUYỄN THANH LỘC